

Bài 160. Kinh Tăng Chi | Chương Sáu pháp | Phẩm Chư Thiên (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 04/02/2019

Kinh 36 - Cội Rễ Của Đấu Tranh

Hễ còn là phàm phu thì còn tiềm ẩn những nguy cơ bất thiện. Đừng nghĩ mình là người có học, tính tình mát mẻ hiền lành, liêm sỉ, sống tri túc đạm bạc, thông minh trí tuệ, là một hành giả tinh tấn miên mật, rồi nghĩ mình hơn người khác. Hễ còn là phàm phu thì những nguy cơ này còn đầy ắp.

Chẳng qua do ba điều kiện: tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống hiện tại khác nhau nên những nguy cơ đó được giấu kín hay lộ liễu. Tức là do tiền nghiệp mà mình sinh ra trong cảnh giới nào.

Thứ hai là khuynh hướng tâm lý. Mình là người thích sinh tử hay cầu giải thoát. Phiền não nhiều hay ít. Hễ còn phàm phu thì chuyện ít nhiều là tương đối. Gặp điều kiện phát triển thì nó nhiều như nấm sau mưa.

Thứ ba là môi trường sống, điều kiện hiện tại, có bốn. Sống ở đâu, thường gặp ai, thường nghe, học gì, tức là thường nạp cái gì. Thứ tư là thường hành động, sống ra sao.

Hễ còn là phàm phu thì còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất thiện, những điều kiện có thể phương hại đến tâm tư, đời sống tinh thần của mình.

Ví dụ như mình có văn minh lịch sự cách mấy đi nữa thì khả năng ăn thịt sống của mình nó không có mất. Khả năng mình tái sanh làm con mèo ăn chuột hay làm cọp, beo, rắn thì khả năng đó cũng rất lớn. Mang thân người ăn học trí thức, sang trọng, lịch sự, sạch sẽ, nhưng khả năng ăn phân người rất lớn, không mất. Phiền não còn thì những khả năng đó còn. Phiền não là những điều kiện, duyên để dẫn đến những cảnh giới đó. Dù tám cái bằng tiến sĩ mà tham sân si còn đó thì hai khả năng ăn thịt sống, phân người vẫn còn đó. Hai khả năng này dính liền với tham sân si.

Chuyện thứ hai, dù chúng ta có sống một mình ngoài hoang đảo, làm người gác hải đăng, chúng ta có làm người sống cô đơn trên núi cao đi nữa, tưởng là người đã lìa xa nhân thế, thì khả năng tranh giành, mâu thuẫn, xung đột của chúng ta vẫn rất lớn. Vì trong kinh này Đức Phật dạy sáu lý do, điều kiện, nguyên nhân dẫn đến tranh giành, xung đột, mâu thuẫn. Sáu điều này còn trong lòng mình thì khả năng tranh giành, xung đột vẫn còn đó.

Ở nơi hoang vắng thì tạm thời như vậy, nhưng khi trở về phố, cộng đồng, đoàn thể thì khả năng gây gổ, xung đột, mâu thuẫn còn đó. Bao giờ chúng ta còn sân hận, phần nộ và hiềm hận là một cặp, nghĩa là còn bất mãn, so đo, tị hiềm, ác cảm, ghét thương, thì khả năng mâu thuẫn, xung đột còn nguyên vẹn đó.

Ở đâu có thương, thích thì ở đó có ghét, sợ, chán. Đây là cái luật. Chỉ có người không còn thương thích, ghét sợ nữa thì mới dứt hẳn những cảm xúc tình cảm đối lập đó thôi. Người đắc thiên hạ tạm thời hết thích dục nên cũng tạm thời hết sân.

Nên ở đâu mà thấy nhắc đến phần nộ, hiềm hận thì biết người đó họ có thích cái này, cái kia. Thích cái gì? Còn thích trong năm dục: thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, mới còn tâm sân, hiềm hận, phần nộ, chắc chắn một ngàn phần trăm như vậy. Cái không thích, bất mãn ấy là một tên gọi khác của đau khổ. Nóng, lạnh, đói, khát, bệnh, gây gổ..., đối với một vị đã đắc thiên là coi như vô nhiễm, nói gì là một vị Thánh Tam Quả trở lên. Các vị ấy không vì nóng quá, lạnh, đói khát, thương tích, bệnh quá mà khổ tâm, là không có. Người không có tâm sân là không bị cái đó.

Còn coi trọng, thích chần ên nệm ấm thì còn khổ khi cuộc sống bị quá eo hẹp. Còn thích ăn ngon mặc đẹp thì khó sống trong điều kiện túng thiếu. Còn yêu đương, nhưng nhớ, luyện ái, tương tư một người nào đó thì rất đau khổ khi ở gần người mình ghét hoặc xa người mình thương thích. Người không luyện ái, thương yêu ai đó thì không thấy khổ khi sống gần người không ưa, và người ấy cũng không có kẻ thù, người không ưa.

Ví dụ như Đức Phật, người ghét Ngài, xem Ngài là kẻ thù rất nhiều, nhưng không có ai là kẻ thù của Đức Phật hết. Ngài không ghét ai hết. Vì Ngài không còn ái luyến, thương nhớ, tương tư người nào. Hễ còn thương người nào thì khả năng ghét ai đó rất cao. Thương thích là cái khổ gián tiếp vì nó tạo ra cái ghét sợ, chính là đau khổ. Tất cả đau khổ trong đời là sự bất mãn. Đau quá, đói quá, nóng lạnh quá, côn trùng chích đốt, nắng nóng, trực trặc tâm sinh lý làm mình không thoải mái... đều là sống trong tâm trạng bất mãn, tâm sân.

Hễ còn thương thích, ghét sợ thì khả năng tương tranh, xung đột vẫn còn nguyên.

Tại sao tôi phải sống gần người đó? Một khi ghét rồi thì tôi có thể nhịn một, hai ngày, nhưng về lâu dài thì làm sao có thể nhịn, im lặng? Sẽ có một ngày nó bùng nổ. Đó là ngày nảy ra tương tranh, xung đột, mâu thuẫn, đấu tranh.

Phật dạy là khi nào mình còn sống quá nhiều trong phần nộ, hiềm hận thì mình chưa hết mình với Tam Bảo, mình đang từng bước dần dần rời xa, bất kính Tam Bảo. Nếu mình xem tâm mình là điện thờ Tam Bảo thì mình không rước những thù oán, bất mãn, sân si vào trong lòng.

Bài kinh Lưỡi Cưa, Trung Bộ Kinh, Đức Phật dạy rất rõ: Nay các Tỳ-kheo, nếu một Tỳ-kheo bị ai đó dùng cưa cắt ra từng khúc mà vị ấy khởi tâm bất mãn, căm thù, hờn giận, Ta nói rằng vị Tỳ-kheo ấy vẫn chưa làm theo lời dạy của Ta, vẫn chưa là đệ tử của Ta.

Đây là lời dạy rất ráo, vì mình còn phàm, làm sao không nổi điên? Nhưng đó là sự thật. Đệ tử thứ thiệt của Phật phải là như vậy, bị cuộc đời giày xéo thế nào thì vẫn trước sau như một, có lòng đại từ, đại bi với chúng sinh. Phải có đọc những bài kinh đó thì mới biết nội dung lý tưởng thật sự của Phật Pháp là cái gì. Phật không kêu mình gồng, mà Ngài dạy rằng toàn bộ vấn đề của thế giới được khởi đi, bắt đầu từ nhận thức như thế nào để không còn thương thích, ghét sợ, không còn phần nộ, hiềm hận.

Phật Ngài dạy từng cặp.

Một là phần nô, hiềm hận.

Hai là giả dối và náo hại. Tiếng Pali là... theo tôi đó dịch là man trá. Có nghĩa mình xấu nhưng lại muốn người ta nghĩ mình tốt. Mình tốt ít lại muốn người ta nghĩ tốt nhiều, mong mọi người nhìn mình bằng tấm lòng kính ngưỡng vượt xa mức thực tế. Sống như phàm mà mong người ta coi mình như Thánh. Muốn được hưởng thụ nhưng lại mong người ta hiểu lầm mình là người tri túc thiếu dục. Dốt nhưng mong người khác xem mình là uyên thâm bác học. Giới luật, thiền định, chánh niệm đều không có nhưng mong người ta nghĩ là mình có. Đó gọi là man trá, giả dối.

Dù mình có hèn nhưng tốt nhất nên giữ cái liêm sỉ là đừng có mong như vậy. Chuyện xấu thì sớm muộn cũng lộ ra. Còn sống trong tâm trạng gian dối, man trá như vậy thì vẫn còn khả năng tương tranh.

Một người chân thành, trung thực, không sống mặt nạ, không xài phấn son giả trá, không có khả năng xung đột, mâu thuẫn.

Chính vì mình có lòng gian nên mình rất ghét những người gian ác. Người trung thực thì chỉ không thích gần người gian ác chứ không ghét. Một đóa hoa không ghét một đồng phân, nhưng chính vì mình là một đồng phân nên nhìn sơ đã biết nó giống mình. Mình còn biết cả đường đi nước bước, đoán ra được hành vi nên mới rất ghét, biết rằng người đó đang giành miếng ăn, địa bàn của mình. Đây là nguồn gốc của đấu tranh, mâu thuẫn và xung đột. Người chân thành, trung thực thì chỉ tránh người gian chứ không việc gì phải quá ghét.

Người chân thành, trung thực, trong sạch, thanh tịnh thì cũng không mong người khác biết. Huống chi mình như một con giòi thì sao mình lại mong người khác hiểu tốt về mình? Khi sống như vậy thì mình luôn trong tình trạng sẵn sàng xung đột. Vì mình gian nên mình rất dễ nhận ra những cái gian khác rồi ghét, đấu tranh để tiêu diệt

đối phương. Người trí nhận ra cái xấu chỉ để nhận ra rồi tránh. Nên giả dối cũng là một điều kiện để dẫn đến mâu thuẫn, xung đột.

Tật đổ xan tham

Tật đổ xan tham là ganh tỵ, bủn xỉn.

Xin xem Kinh Đế Thích Sở Vấn, Trường Bộ Kinh. Trong kinh này, Đế Thích, vua cõi Đao Lợi, xuống hầu Đức Phật và hỏi: vì đâu chúng sanh trong đời luôn luôn tương tranh, mâu thuẫn và xung đột?

Đức Thế Tôn có một ngàn câu trả lời cho vấn đề này, nhưng tùy người mà Ngài cho câu trả lời phù hợp. Phiền não là gốc cho các tương tranh, xung đột, nhưng phiền não gì thì tùy người mà Ngài giảng. Có người Ngài nói phiền não chung chung, có người Ngài nói phiền não là lậu hoặc, có người Ngài chỉ nói gọn là tham ái, tham dục. Riêng đối với trường hợp này thì Đức Phật nói hai lý do: ganh tỵ và bủn xỉn.

Không muốn người khác được gì là ganh tỵ; không muốn mình mất gì là bủn xỉn. Khi sống trong tâm trạng phân biệt được và mất, kia và đây, bĩ và thử, còn nặng lòng như vậy là dứt khoát còn khả năng tương tranh, xung đột, mâu thuẫn. Bậc Thánh sống không có phân biệt bốn cái này.

Dù mình có cô đơn một đời trên núi cao, rừng sâu, hoang đảo, hễ còn phàm thì khả năng mâu thuẫn, xung đột luôn bỏ ngỏ. Nếu đem trở về sống chung với cộng đồng thì lộ ra. Hoặc vị ấy tái sinh kiếp khác thì mọi thứ trở lại như cũ. Mọi nỗ lực giống như viên sỏi liệng ao bèo, chỉ tách bèo ra trong một giây rồi khép lại như cũ. Mọi nỗ lực trong mỗi kiếp sống, nhiều lắm thì tạo ra một sự thay đổi nhẹ, rất nhỏ trong tích tắc sanh tử.

Vậy tu hành mình được cái gì? Gieo duyên. Gieo khi nào đủ duyên rồi thì nguyên ao bèo sẽ tắt, chưa đủ thì chỉ là gieo duyên, giống như để dành tiền mua cái máy. Mình để dành từng xu mà cái máy tới mấy tỷ đô-la Mỹ. Khi đủ tiền thì mua cái máy hút hết

bèo cám trong ao. Mỗi kiếp mình để dành một chút, có kiếp để dành nhiều hơn, có kiếp không để dành chút nào. Cho nên không phải mình tu mà không được gì, mà tích lũy dần. Trước khi hoàn tất Đạo nghiệp thì mình không có gì để tự đắc, tự mãn.

Vì tất cả chỉ là viên sỏi liệng ao bèo.

Khi mình đắc Đạo thì cái đó đáng tự mãn, nhưng lúc đó thì không còn khả năng tự mãn nữa. Kinh nói khi mình còn phàm thì không có gì để khoe. Phật dạy phàm phu có làm gì đi nữa thì cũng giống con giòi nằm trong đồng phân. Không có gì để khoe vì mình đang ở trong vũng lầy sanh tử. Mình có tinh tấn, thiền định, trí tuệ cỡ nào đi nữa thì cũng lúc nhúc trong cõi sanh tử. Khi đắc Đạo rồi thì mới thật sự là người sạch sẽ, lúc đó mới đáng khoe, nhưng lúc đó mình hết muốn khoe rồi, vì chứng Đạo là khả năng xóa sạch bỉ, thử, được, mất, không còn động lực muốn khoe. Trên đời chỉ có một cái đáng khoe là tánh không muốn khoe. Cái tâm không muốn khoe là tâm không còn thương thích, ghét sợ, hoàn toàn vô nhiễm, sạch sẽ, không còn bốn phân biệt bỉ, thử, được, mất.

Ái dục và tà kiến

Ái dục là muốn nhiều hơn cái mình có. Tà kiến ở đây là thường kiến, có ba; và đoạn kiến, có ba. Kinh Phạm Võng nói sáu mươi hai tà kiến mà tôi giảng có ba. Tại sao? Gom gọn lại là như vậy.

Thường kiến, tà kiến, có ba:

Thấy rằng có một đấng Chí Tôn bất tử, trường sanh, trọn quyền ban phước, tha tội và sáng tạo muôn loài.

Thấy rằng có một cái tôi trường cửu, vĩnh hằng.

Tin rằng có một cõi, thế giới nào đó bất tử, vĩnh hằng, đời đời bất diệt.

Gom chung lại đây là ba thường kiến. Trong Trường Bộ, tóm lại chỉ có ba cái này: một đấng, cái tôi, cõi thường hằng.

Đoạn kiến có ba: vô hữu, vô hành, vô nhân.

Vô nhân kiến

Vô nhân kiến là mọi thứ không cần yếu tố nhân duyên. Mà thực tế ở đời mọi thứ do duyên mà có, mất. Không có gì là ngẫu nhiên. Sự có mặt của một hạt cát, hạt mè, sợi tóc phải cần đến một tỷ điều kiện. Một tỷ đây là nghĩa đen.

Ví dụ tại sao một đứa bé ra đời? Không chỉ đơn giản là có một cặp nam nữ là có đứa bé.

Tại sao cô đó không có bầu với Tí mà có bầu với Tèo?

Sao không có bầu năm trước mà lại là năm nay?

Rồi một hột mè nhỏ xíu. Chắc do mình trồng nên có nó. Không phải. Cần phải có một tỷ điều kiện mới có hột mè.

Sao không trồng chỗ này mà phải trồng chỗ kia mới mọc?

Điều kiện độ ẩm, nước, nắng, gió, mưa, phân bón, đất đai phải phù hợp.

Trồng xuống mà có người nhổ lên hay côn trùng ăn mất thì lấy gì để lên?

Cho nên một tỷ ở đây tôi nói là không có nhiều. Nhưng mà người bị mắc cái vô nhân kiến thì cho rằng mọi thứ hữu duyên mà có.

Vô hành kiến

Cho rằng không có thiện ác gì hết. Chẳng qua đó là tên gọi cho các kiểu hành động mà thôi chứ không có chuyện thiện cho quả lành, ác cho quả khổ. Hiểu như vậy là vô hành kiến.

Vô hữu kiến

Phủ nhận triệt để những gì mình không thấy, không hiểu, không biết, không chứng minh, không tin được. Nói chung là những cái ngoài tầm hiểu biết của mình thì phủ nhận triệt để. Ví dụ như kiếp trước, kiếp sau, luân hồi, quả báo, thiên đường, địa ngục, những loài phi nhân khuất mặt khuất mày, vô hình vô tướng, hay những bậc Thánh nhân ở đời, tuy họ cũng như mình nhưng họ thành tựu tuệ giác, chấm dứt phiền não, không còn luân hồi... Những chuyện đó đâu có lấy mắt nhìn được. Mà hễ không thấy được thì họ cho là không có. Không chứng minh được là trên đời có chuyện tái sinh, cho rằng không có.

Giống như tôi đang ngồi ở xứ nóng, tôi không tin trên đời có chỗ toàn là nước đá, gấu trắng, hải cẩu và chim cánh cụt, điều kiện sinh hoạt khắc nghiệt. Tôi chỉ tin trong tủ lạnh có ngăn đá, có nước đá.

Như vậy ở đây kể ra cho đủ sáu thì có:

Lừa đảo và man trá, có chỗ ghi là giả dối và não hại. Tiếng Pali là makkha-palāsa, phải hiểu là không chịu được với đức lành của người khác rồi tìm cách dìm hàng, hạ thấp, không muốn người khác thấy. Còn chữ Pali māyā-sāṭṭheyya thì có nghĩa là mình không ra gì mà lại muốn được vinh danh, muốn nâng mình lên.

Còn makkha-palāsa là người ta có hay mấy mình cũng tìm cách làm cho nó mất đi. Tiếng dân dã Việt Nam là dìm hàng.

Hai cái này đều là nguồn gốc của đấu tranh, mâu thuẫn, xung đột. Hai cặp này luôn tàng ẩn kín đáo, nằm đầy trong tâm mỗi phàm phu.

Khả năng lân tài, mến người tài thì không phải ai cũng có. Người thiện thì có đặc điểm là mau chóng nhận ra cái hay của người khác để tôn quý, thương mến, trân trọng, tạo điều kiện cho phát triển; sẵn sàng nhận ra cái xấu của người khác để bao dung, tha thứ và chịu đựng. Tâm hồn đó thường chỉ có ở người mẹ.

Tại sao chư Phật hiếm hoi như vậy? Vì người sống đúng với tinh thần này thì không có nhiều lắm, mà cực hiếm.

Trong room còn nhớ bài Kinh Từ Bi không?

Khi nói đến chữ từ bi, Đức Phật dùng hình ảnh dễ hiểu; còn nếu rồ ráo phải dùng hình ảnh Đức Phật, chư Phật đối với chúng sanh: là hãy thương muôn loài như người mẹ thương đứa con duy nhất của mình.

Trong Kinh Lưỡi Cưa, Kinh Trung Bộ, Ngài dạy rằng vị Tỳ-kheo nào bị cưa cắt nhiều khúc mà có sân tâm hờn giận thì đó không phải là đệ tử của Ta. Thêm một kinh khác nữa là hãy thương yêu muôn loài như người mẹ thương yêu đứa con duy nhất của mình. Khó làm nhưng đó là sự thật. Trên đời có người đã làm được như hai bài kinh đó, mình phải có niềm tin sắt son như vậy.

Tây phương có câu: hãy nghĩ đến cái tốt nhất, rồi bạn sẽ được cái tốt hơn. Bây giờ nếu mình chưa được như hai bài Kinh Lưỡi Cưa và Kinh Từ Bi thì vẫn luôn nghĩ về hai bài kinh đó, treo trên đầu của mình, thì một ngàn phần cũng làm được một, hai, còn hơn là không làm.

Cái makkha-palāsa là chịu không nổi cái hay của người khác nên tìm cách dìm xuống, che lại không cho ai thấy.

Māyā-sāṭṭheyya là tìm cách đưa mình lên dù mình chỉ là đồng rác.

Ác dục

Ác dục là muốn nhiều hơn nhu cầu của mình, muốn cái mà mình không xứng đáng để có.

Ví dụ như đói ăn, khát uống là nhu cầu, nhưng mình lại muốn ăn ngon mặc đẹp thì là ác dục. Thứ hai là trong vai trò của mình, mình không xứng được như vậy. Ví dụ như

mình là Tăng, Ni mà đi đến đâu cũng muốn người ta rải hoa, che lọng thì tôi cho là ác đức.

Trong kinh có ghi: muốn cái mà mình không xứng đáng.

Thật ra thầy tu mà muốn đi trên thảm hoa tươi, che lọng thì tôi thấy hơi quá.

Có lần đó, một vị vua trải vải trắng từ sân triều đình lên tới tầng thứ bảy. Trong kinh nói khi Đức Thế Tôn đi đến đó, Ngài thấy tấm vải nhưng không giẫm lên, dù đức độ của Ngài thì quá xứng đáng. Ngài dừng lại rồi nhìn Ngài Ananda. Ngài Ananda biết Đức Phật không muốn đi, mới nói với vua:

“Đại vương cho người dọn dẹp tấm vải này.”

Thế Tôn không muốn bước lên đó vì lòng đại bi nghĩ đến chúng sinh. Lúc đó Ngài Ananda nghĩ đúng, nhưng chỉ mới hiểu một phần.

Trong kinh giải thích chữ đại bi ở đây:

Ngày xưa vải dệt bằng tay. Để có vải làm cái khăn tay như bây giờ thì mất rất nhiều thời gian, công sức. Là nói công khó, chưa nói tới chất liệu vải lấy từ đâu; từ bông sợi, tơ tằm, phải mất nhiều công mới có được. Mà bây giờ nguyên một cuộn vải trắng tinh trải từ dưới đất lên lầu bảy để giẫm lên mà đi. Biết bao người nghèo họ nhìn mà xót. Người không có đức tin Phật pháp nhìn vào sẽ nổi điên lên thì bất lợi cho họ, vì đó là Đức Phật. Ngài Ananda hiểu tới đó thôi, là Đức Thế Tôn không muốn nhiều người bất mãn, bức xúc vì chuyện đó.

Nhưng thật ra còn một chuyện nữa: là ông vua đó muốn có con nhưng không dám nói thẳng với Đức Thế Tôn, mà nghĩ trong bụng là Đức Thế Tôn chuyện gì Ngài cũng biết. Nếu mình có khả năng có con thì Đức Thế Tôn sẽ đi lên trên tấm vải này. Còn Ngài không đi thì mình thua rồi. Đức Thế Tôn không đi lên trên tấm vải là vì hai lý do này. Vua biết là thua rồi.

Hai vợ chồng nhà vua này trong một kiếp từng ăn rất nhiều trứng. Chìm thuyền trôi vào hoang đảo, không có gì ăn nên toàn ăn trứng chim. Lúc ăn thì cũng biết trong trứng có mầm sống. Chim non chưa tượng hình nhưng vì đói quá nên vẫn ăn để sống.

Bây giờ mình có trứng gà công nghiệp, người ta nói là không tốt bằng trứng gà tự nhiên, nhưng trứng gà tự nhiên thì tỷ lệ có con rất lớn. Phật tử mình muốn ăn trứng thì nên cẩn thận, phải hỏi trước người ta. Ăn trứng có trống thì rất nguy hiểm về khả năng sát sanh.

Nói về ác dục nó bao la như vậy đó quý vị.

Muốn có nhiều hơn nhu cầu cần thiết.

Muốn có cái mà mình không thật sự xứng đáng.

Tà kiến thì tôi đã giải thích rồi.

Chấp trước sở kiến

Cuối cùng là chấp trước sở kiến. Là sao?

Là dầu cho mình có học Phật pháp, thuộc lòng kinh điển Tam Tạng, thì mình cũng không nên coi kiến thức Phật pháp của mình là tuyệt đối, luôn cần nâng cấp, chỉnh sửa; nói chi là những sai lầm của mình. Tam Tạng thì chỉ có chừng đó, nhưng tôi muốn nói đến cái hiểu của mình, luôn cần được chỉnh sửa, nâng cấp. Vì:

Một, người hiểu đúng hoàn toàn kinh điển thì phải là Thánh nhân.

Hai, từng vấn đề giáo lý có thể hiểu được nhiều cách. Đây là lý do mà lại có vị là Đệ nhất Đa văn, thuộc tất cả không sót cái gì trong kinh; vị là Đệ nhất Trí tuệ. Tiểu Bộ Kinh, Trưởng Lão Tăng Kệ nói lý do Ngài Sāriputta là Đệ nhất Trí tuệ: chỉ một câu, một chữ trong kinh, Ngài có thể hiểu ra ngàn nghĩa, ngàn phương diện, ngàn khía cạnh. Cũng như Ngài Moggallāna là vị Đệ nhất Thần thông, trong nháy mắt Ngài có thể biến hiện thần thông ngàn cách.

“Ngàn” ở đây có nghĩa là nhiều lắm. Ngài Sāriputta trong Tương Ưng Bộ Kinh nói, mình học rồi, chỉ một chữ bhūta, là being, hiện hữu, Ngài có thể nói bảy ngày bảy đêm vẫn chưa hết. Bhūta là hiện hữu: hiện hữu của nhân, của quả, của thiện, của thiện, của danh, của sắc... Của nhân là làm sao, của quả là làm sao... Đáng nể như vậy.

Còn cái biết của mình là bao nhiêu? Cho nên chuyện chấp trước sở kiến, là ôm chặt cái biết của mình, là dấu chỉ cho biết mình đang có vấn đề rất là nặng.

Nhiều người cứ tưởng là mình hay rồi tự đắc, mà quên cái sơ đẳng tiểu học rằng: khi anh thấy anh hay thì đó là có vấn đề. Còn người thật sự hay, giỏi, người phàm mà có trí tuệ thiết thì họ thấy cái biết của mình luôn trong tình trạng cần.

Chỉnh sửa, nâng cấp thì mình hành diện cái gì?

Còn bậc Thánh thì họ thấy là “nhất thiết giai không”. Phàm phu thì lấy cái gì mà kiêu ngạo?

Mọi cái biết của mình, dù bao nhiêu sách vở trong thiên hạ nằm trong đầu của mình thì sao? Chỉ là cái tử sách thôi! Thứ hai là ta phải nhận thức, hiểu biết cái gì trong số những điều mình thuộc lòng ấy, chứ thuộc lòng đâu phải là xong. Mới là cái tử thôi. Vấn đề là hiểu gì.

Rồi tất cả những cái hiểu của mình đều ở trong tình trạng cần nâng cấp, chỉnh sửa, thậm chí có cái biết phải đập hết xây lại, thì lấy cái gì để mà kiêu ngạo?

Sáu khả năng dẫn đến xung đột

Câu cuối cùng khép lại buổi giảng sáng nay:

Chúng ta có là ai đi nữa, sống một mình hay sống giữa đoàn thể, đám đông, thì có sáu khả năng dẫn đến xung đột, mâu thuẫn luôn tiềm ẩn trong người chúng ta.

Bài kinh này không chỉ nói về nguy cơ mâu thuẫn, xung đột, mà còn hơn nữa: hễ anh còn khả năng mâu thuẫn, xung đột, thì có nghĩa là anh có khả năng làm khổ mình và khổ người. Và anh còn khả năng chung chạ với người khác nên trong Kinh gọi giải thoát bằng nhiều từ rất hay:

1. Mokkha
2. Vimutti
3. Nissarana: xuất ly

Trong Tam Quy có câu: Buddham saranam. Saranam là nương tựa. Nissarana là không dựa vào, là xuất ly, giải thoát.

Người thật sự hiểu Đạo, đặc biệt là người liễu Đạo, chứng Đạo, thì gọi là nissarana. Nghĩa là dù họ có quy y Tam Bảo, họ cũng không tựa vào Tam Bảo như con nít dựa mẹ. Họ chỉ nhìn vào cái thiện, Đức Phật để đi theo, tôn kính, ngưỡng mộ là nói về thiện. Còn đối với cái bất thiện thì họ không dây dưa, lai vãng với nó nữa.

Còn người phàm mình thì cứ saranam suốt đời. Với cái thiện thì mình dựa cứng ngắc, như đứa bé dựa mẹ, nên mới có chuyện mỗi lần bị nạn thì thỉnh chư Tăng cầu an, cầu siêu. Trong nhà thờ Phật, mỗi lần có chuyện gì chạy vô khóc lóc.

Thánh nhân không như vậy. Các Ngài thờ Phật trong lòng, kính Phật bằng cách làm theo lời Phật, nhưng khi gặp chuyện thì không cầu Phật cứu họ. Nên Thánh nhân mới xứng đáng với chữ nissarana. Các Ngài có quy y Phật nhưng không giống mình. Họ thờ Phật nhưng không ý vào Phật.

Còn mình thì không làm theo Phật, nhưng đụng chuyện thì vô cầu xin Phật gia hộ độ trì. Hai kiểu này khác nhau rất nhiều. Nên chữ nissarana rất là hay. Với cái thiện thì chỉ nhìn theo để học hỏi và ngưỡng mộ, chứ không thờ cúng thần tượng một cách mâu thuẫn, trẻ con, thơ ngây, vụng dại. Còn với cái ác thì họ không dây dưa, lai vãng. Có như vậy thì mới thật sự giải thoát và tránh hẳn chuyện tương tranh, xung đột.

Người còn khả năng tương tranh, xung đột là người còn khả năng làm khổ mình, khổ người, là người chưa có khả năng thật sự xuất ly. Người có khả năng xuất ly thì không có khả năng xung đột. Như vậy, khả năng xung đột gắn liền với khả năng dây dưa với người khác. Khả năng xung đột luôn gắn với khả năng dây dưa cùng thiên hạ.

Trong khi các bậc Thánh thì ngày càng dần dần xa nhau. Như Ngài Sāriputta, Ngài đắc Tu-đà-hoàn rồi sau đắc A-la-hán. Mỗi ngày Ngài lạy Phật nhưng hoàn toàn không giống như mình tưởng tượng. Ngài kính Phật, kính Pháp chứ không tôn kính một cá nhân bằng xương, thịt.

Nên khi Đức Phật nghe Ngài Sāriputta đến từ già đẽ viên tịch, và khi Ngài Cunda mang xá lợi của Ngài Sāriputta về, Phật Ngài chỉ cầm miếng vải bọc xá lợi, đọc một loạt những bài kệ tán thán, chứ không có chuyện tiếc thương, nhỏ lệ như phàm phu.

Rồi khi Ngài Sāriputta tận mắt thấy Ngài Upasenapangan, em ruột của Ngài, bị rắn cắn chết trước mặt, Ngài cũng bình thản. Mình nghe tưởng Ngài máu lạnh, vô tâm, nhưng không phải. Vì Ngài biết: mình, em mình là một năm cát, hai năm cát này liên tục thay đổi từ đời này qua đời khác.

Do duyên nghiệp thì gặp nhau đây, mà đã là năm cát thì nó rời rã, không có gì là “abc”, không có gì là của tôi, là tôi đơn thuần, bất biến, riêng tư nào ở đó. Ngài chỉ nhìn một năm cát đang rã trước mặt Ngài thôi. Nên gọi là nissarana.

Người còn khả năng xung đột, mâu thuẫn là người còn khả năng làm khổ mình, khổ người, như đã nói trên. Riêng bậc vô tranh, arana, không có khả năng tương tranh với đời, không hứng thú dây dưa với người khác.

Lìa bỏ những dây dưa không cần thiết

Trong đời sống, chúng ta giống như người luôn luôn cày xới mảnh đất tâm của mình. Mình thấy hễ còn là phàm phu thì chúng ta còn khả năng tìm đến sự chung chạ.

Chúng ta phải có cái gan lìa bỏ thiên hạ trong từng động thái nhỏ nhất. Có gan từ chối những cú phone, email, tin nhắn, những cuộc gặp gỡ lợi bất cập hại.

Trong vườn tâm, có những thứ cần tưới tẩm nhưng cũng có những thứ cần để cho nó chết khô. Đức Phật dùng hình ảnh rất đẹp: cuộc sanh tử giống như đại dương, mỗi người trong đó như một thủy thủ với một con thuyền mà tuyệt đại đa số phàm phu đều chọn những con thuyền chắc chắn và chất đầy thực phẩm, hành trang trong đó.

Con thuyền chắc chắn là ai cũng sống với ngã chấp, tà kiến dày đặc, nặng nề. Hành trang trên đó là ta tạo các loại nghiệp thiện ác. Riêng bậc Thánh từ Tu-đà-hoàn trở lên thì đã cho thuyền vào bờ, phá nát cột buồm, chặt đứt mỏ neo. Lên đến vị Nhị quả, Tam quả thì thuyền đã kéo hẳn lên bờ để cho nó mục nát. Đến bậc A-la-hán thì chiếc thuyền của Ngài chỉ còn là một đồng gỗ mục.

Chúng ta phải từ bỏ dần những điều kiện đưa đến cuộc tử sinh. Những điều kiện ấy đầy ra trước mắt mà mình không thấy.

Từng món đồ nhỏ nhỏ mình thích ở trong nhà, cho đến những email, tin nhắn trong điện thoại, những tương tác trên Facebook, tất cả những cái đó từ từ phải bỏ bớt. Chúng ta càng bỏ bớt những mối liên kết không cần thiết với thiên hạ thì mới bớt khổ.

Còn dây dưa thì còn ái luyến, dễ dẫn đến... như tôi đã giảng. Cái mình không thích, mình ghét thì phải tránh nó; tránh không được là khổ. Cái mình thích thì đem lại cho mình nhiều khổ hơn: hành trình đi tìm nó, có được phải bảo quản, giữ không được đều là khổ.

Ghi chép hoàn tất